ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ HẠNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1103/QĐ-UBND	*Hạnh Phúc, ngày 28 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Dự án: Nâng cấp nhà văn hóa thôn Bản Lìu

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HẠNH PHÚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 và các luật sửa đổi, bổ sung có liên quan, trong đó có Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25/06/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Đường bộ số 35/2024/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội, được sửa đổi, bổ sung bởi các luật liên quan;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 và các văn bản sửa đổi, bổ sung có liên quan;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 38/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 11/2026/QĐ-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Lào Cai ban hành Quy định một số nội dung về quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

Căn cứ các quyết định của UBND tỉnh Lào Cai và công bố của cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc tỉnh về đơn giá xây dựng, giá vật liệu xây dựng, giá nhân công, giá ca máy và thiết bị thi công, chỉ số giá xây dựng hiện hành tại thời điểm lập dự toán;

Căn cứ Quyết định số 1034/QĐ-UBND ngày 13/10/2026 của UBND xã Hạnh Phúc về việc điều chỉnh bổ sung, phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 - xã Hạnh Phúc;

Căn cứ Thông báo số 40/TB-PKT ngày 27/10/2026 về việc thẩm định Báo cáo Kinh tế - kỹ thuật dự án: Nâng cấp nhà văn hóa thôn Bản Lìu;

Xét đề nghị của Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã Hạnh Phúc,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án: Nâng cấp nhà văn hóa thôn Bản Lìu với các nội dung chính như sau:

1. Tên dự án: Nâng cấp nhà văn hóa thôn Bản Lìu.

2. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính, thời hạn sử dụng công trình theo thiết kế:

- Nhóm dự án: Dự án nhóm C;

- Loại công trình: Công trình dân dụng;

- Cấp công trình: Cấp IV.

3. Mã định danh:

4. Địa điểm xây dựng dự án: Thôn Bản Lìu, xã Hạnh Phúc, tỉnh Lào Cai.

5. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Hạnh Phúc.

6. Chủ đầu tư: Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã Hạnh Phúc.

7. Nhà thầu tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công: Công ty TNHH tư vấn đầu tư xây dựng số 6, mã số doanh nghiệp: 5200475514.

8. Mục tiêu dự án:

Đầu tư xây dựng Nhà văn hóa đa năng thôn Bản Lìu cùng nhà vệ sinh chung, sân bê tông, bậc lên xuống, cổng và san nền khuôn viên, nhằm tạo địa điểm sinh hoạt cộng đồng khang trang, đủ diện tích, an toàn cho nhân dân trong thôn tổ chức hội họp, tuyên truyền chủ trương, chính sách, sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao và các hoạt động chung của thôn.

Từng bước hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở, góp phần thực hiện tiêu chí cơ sở vật chất văn hóa trong xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa của đồng bào tại địa phương.

Công trình được thiết kế phù hợp điều kiện khí hậu miền núi, sử dụng kết cấu khung thép nhịp lớn, vật liệu bền vững, dễ thi công, bảo trì; sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn vốn đầu tư công

9. Quy mô đầu tư xây dựng:

* Nhà văn hóa đa năng 1 tầng:

Kiến trúc: diện tích xây dựng 636,6 m², gồm 6 gian bước 5,0 m, lòng nhà rộng 20 m; cos nền cao hơn sân 0,45 m, sân khấu cao hơn phòng hội trường 0,45 m; chiều cao từ nền đến chân mái 7,2 m, từ chân mái đến đỉnh mái 4,35 m, tổng chiều cao 12,0 m. Tường bao xây cao đến cos +3,000, phía trên đến đỉnh mái bao che bằng tấm nhựa lấy sáng polycarbonate dạng sóng trên khung thép hộp mạ kẽm (khoảng 513,8 m²).

Kết cấu: khung cột thép hình chữ I 250×125×6×9 mm (14 cột, khoảng 2,98 tấn) liên kết với móng bằng mặt bích và bu lông D22; móng cột, giằng móng bê tông cốt thép M200 trên bê tông lót M150; vì kèo thép dạng cong khẩu độ 20 m bằng hệ 3 thanh thép ống D75,6×2,2 mm, thanh liên kết ngang D42,2×2,5 mm (khoảng 9,83 tấn), giằng mái thép D18; xà gồ thép hộp mạ kẽm 100×50×2 mm (khoảng 3,40 tấn); tường xây gạch M75 vữa XM M50 dày 220 mm, tường trục 1 xây đến cos +5,45 m có giằng đỉnh tường bê tông cốt thép M200.

Hoàn thiện: nền bê tông M150 dày 50 mm, lát gạch 1000×1000 mm (khoảng 579,7 m²); bậc sảnh, sân khấu ốp lát đá granite (khoảng 70,8 m²); tường trát vữa XM M50 dày 20 mm, sơn 3 lớp; mái lợp tôn PU sóng thẳng mạ màu dày 0,45 mm (khoảng 734,5 m²), máng tôn thu nước hai bên dài 62,8 m, ống thoát nước mái PVC D110 có rọ chắn rác; cửa đi khung nhôm hệ kính an toàn dày 6,38 mm (khoảng 45 m²).

Điện, chống sét: nguồn lấy từ lưới điện hiện có, cáp Cu/PVC 2×10 mm² về tủ điện tổng, dây dẫn nhánh Cu/PVC 2×2,5 mm² và 2×1,5 mm² đi trong ống nhựa; 16 bộ đèn tuýp, 40 bộ đèn LED thanh nhôm, 13 bộ đèn LED chao 100W, 13 quạt treo tường, 06 quạt thông gió, 23 ổ cắm đôi; hệ thống chống sét gồm 04 kim thu sét Φ18 dài 1,5 m, dây dẫn trên mái Φ10, dây tiếp địa Φ14 chôn sâu 0,8 m, 10 cọc tiếp địa thép góc dài 2,0 m, điện trở nối đất $R \leq 10\ \Omega$.

* Các hạng mục phụ trợ:

Nhà vệ sinh chung: 1 tầng, diện tích xây dựng 11 m², chia 2 khu nam, nữ riêng; tường gạch dày 110 mm, móng xây gạch đặc, giằng móng và lanh tô bê tông cốt thép M200; mái tôn trên xà gồ thép hộp, trần tôn phẳng; tường trong ốp gạch 300×600 mm cao 1,8 m, nền lát gạch chống trơn 300×300 mm; cửa nhôm kính; 02 bộ xí bệt, 02 chậu rửa; cấp nước từ téc inox 1,5 m³ đặt trên giá thép, thoát nước ra bồn tự hoại nhựa 1 m³ rồi chảy vào rãnh chung; cấp điện từ nhà văn hóa.

Sân bê tông: bê tông M200 dày 100 mm trên lớp cát tạo phẳng dày 30 mm, nilon chống mất nước, cắt khe co giãn ô 5×5 m (dự toán khoảng 480 m² sân, 192 m khe).

Bậc lên xuống kết nối sân bê tông với sân thể dục thể thao: xây gạch M75 vữa XM M50, mặt và cổ bậc láng vữa XM dày 30 mm, tổng chiều dài bậc

khoảng 30 m.

Cống: chiều rộng thông thủy 4,2 m, 02 trụ cống bê tông cốt thép kích thước 600×600×2400 mm trên móng độc lập, tường xây gạch trát, sơn; cánh cống 4 cánh bằng inox hộp liên kết bản lề vào trụ, chân cánh có bánh xe dẫn hướng.

San nền: đắp đất tôn nền, đầm chặt K90 theo thiết kế

10. Danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng: Theo quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

11. Tổng mức xây dựng dự án; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng:

- Tổng mức xây dựng dự án: 3.500.000.000 đồng

(Bằng chữ: Ba tỷ năm trăm triệu đồng)

Trong đó:

- Chi phí xây lắp	3.053.039.794 đồng
- Chi phí Ban quản lý dự án:	96.354.683 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	262.014.232 đồng
- Chi phí khác:	23.306.027 đồng
- Chi phí dự phòng:	65.285.264 đồng

(Có phụ lục tổng hợp chi tiết kèm theo)

12. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2026-2027.

13. Nguồn vốn đầu tư: Nguồn vốn ngân sách tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

15. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên; phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Không.

16. Các nội dung khác: Không.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã Hạnh Phúc (Chủ đầu tư) có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện dự án theo đúng quy định hiện hành, đảm bảo chất lượng, tiến độ, hiệu quả đầu tư, không phát sinh nợ xây dựng cơ bản; chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và cơ quan chủ trì thẩm định về tính đúng đắn của hồ sơ, số liệu dự án và tính chính xác của khối lượng, đơn giá dự toán.

2. Cơ quan chủ trì thẩm định (Phòng Kinh tế, Hạ tầng) chịu trách nhiệm tuân thủ trình tự, nội dung các bước thẩm định; hồ sơ dự án, hồ sơ thiết kế, dự toán được thẩm định và báo cáo kết quả thẩm định trên cơ sở hồ sơ dự án do

Chủ đầu tư cung cấp.

3. Các công việc khác: Thực hiện theo các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã Hạnh Phúc; Phòng Kinh tế, Hạ tầng; Trung tâm Dịch vụ tổng hợp, Phòng giao dịch số 2 Kho bạc nhà nước khu vực IX, Công ty TNHH tư vấn đầu tư xây dựng số 6 và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực Hội đồng nhân dân xã;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam xã;
- Lãnh đạo và CVVP HĐND – UBND xã;
- Lưu: VT, TTDVTH.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Quang Hải

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN XÂY DỰNG

Dự án đầu tư xây dựng Công trình: Nâng cấp nhà văn hóa thôn Bản Lìu

(Kèm theo Quyết định số: 1103/QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Hạnh Phúc)

Đơn vị tính: (Đồng)

STT	Nội dung chi phí	Cách tính	Giá trị trước thuế	Thuế GTGT	Giá trị sau thuế
I	**Chi phí xây dựng**	Gxd	**2.826.888.698**	**226.151.097**	**3.053.039.794**
II	**Chi phí quản lý dự án**	3,446% x Gxd	**96.354.683**	**0**	**96.354.683**
III	**Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng**		**242.605.770**	**19.408.462**	**262.014.232**
1	Chi phí lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật	4,88348% x Gxd	136.548.511	10.923.881	147.472.392
2	Chi phí thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, phần thiết kế	0,258% x Gxd	7.214.019	577.122	7.791.141
3	Chi phí thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, phần dự toán	0,25% x Gxd	6.990.328	559.226	7.549.554
4	Chi phí giám sát thi công xây dựng	3,285% x Gxd	91.852.912	7.348.233	99.201.145
IV	**Chi phí khác**		**23.057.432**	**248.595**	**23.306.027**
1	Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng	0,019% x TMĐT	665.000	53.200	718.200
2	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	0,57% x TMĐT	19.950.000	0	19.950.000
3	Phí bảo hiểm công trình	0,08% x Gxd sau thuế	2.442.432	195.395	2.637.827
V	**Chi phí dự phòng**		**65.285.264**	**0**	**65.285.264**
VI	**TỔNG CỘNG**		**3.254.191.846**	**245.808.154**	**3.500.000.000**

Bằng chữ: Ba tỷ năm trăm triệu đồng./.